

Số: /2024/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Kiến toàn tổ chức bộ máy, điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số .. /TTr-STC ngày
tháng năm 2024.**

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định kiến toàn tổ chức bộ máy, điều lệ về tổ chức và hoạt động của
Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ) và các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở làm việc

1. Tên gọi: Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên.
2. Trụ sở làm việc: Số 535 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
3. Số điện thoại: 02213.863.435
4. Web: quyphattriendathungyen.gov.vn

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật và chức năng Quỹ phát triển đất

1. Quỹ phát triển đất là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; hoạt động độc lập với ngân sách Nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận; bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

4. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại quyết định này, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ phát triển đất

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng vốn điều lệ và vốn hợp pháp khác của Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra việc sử dụng vốn ứng, thu hồi vốn ứng và xác định chi phí quản lý vốn ứng theo Điều 15, Điều 16 quy định này; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ phát triển đất

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng và hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 8. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ phát triển đất gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quỹ hoạt động theo mô hình độc lập.

Điều 9. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có 05 (năm) thành viên, gồm: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:
 - a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Quỹ.
 - c) 03 thành viên Hội đồng quản lý là Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - e) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
2. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
3. Việc kiện toàn Hội đồng quản lý Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.
4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.
 - a) Quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Quyết định này; bảo toàn và phát triển vốn.
 - b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác của Hội đồng, Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.
 - c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.
 - d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ.
 - đ) Phối hợp với Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
 - e) Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật, đối với các thành viên Ban kiểm soát (trừ Trưởng ban kiểm soát).
 - f) Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tập thể và chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng; từng thành viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.
 - h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.
 - i) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý.

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản lý họp thường kỳ ít nhất 01 lần/năm, có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, Giám đốc quỹ có văn bản xin ý kiến các nội dung thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản lý đến các thành viên Hội đồng quản lý trong thời gian 05 ngày làm việc.

c) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 10. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

a) Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Trưởng ban kiểm soát là Trưởng phòng của Sở Tài chính, các thành viên còn lại là lãnh đạo phòng của các sở: Tài Nguyên và Môi Trường, Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Việc kiện toàn Ban kiểm soát Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Việc khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; và thành viên Ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy trình của Quỹ theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và pháp luật có liên quan về các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ban kiểm soát được cung cấp hồ sơ, tài liệu để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và 02 bộ phận: Tổ chức, hành chính, Kế toán; Kế hoạch nghiệp vụ.

Trường hợp thay đổi cơ cấu, tổ chức cho phù hợp, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý và phối hợp với các sở, ngành liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, làm việc theo chế độ chuyên trách.

3. Biên chế Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là viên chức.

4. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và Quyết định này, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác quy định tại Quyết định này.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Quyết định này và quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 12. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ là: 724,235 tỷ đồng.

b) Vốn điều lệ bổ sung từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương: Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp bổ sung cho Quỹ, đảm bảo theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Vốn điều lệ từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ, sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Quỹ quyết định bổ sung vào vốn điều lệ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.

Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử

dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước.

c) Thực hiện ứng vốn cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ để xây dựng hạ tầng, tạo quỹ đất khu tái định cư, đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo quy định.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng thực hiện theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Quyết định này.

Điều 14. Kế hoạch, điều kiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất

1. Kế hoạch ứng vốn.

a) Định kỳ trước ngày 30/11 hàng năm, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nhu cầu ứng vốn, các tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này làm văn bản đề xuất ứng vốn của năm tiếp theo gửi Quỹ.

b) Căn cứ vào đề xuất ứng vốn tại điểm a khoản này và nguồn vốn cân đối của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ lập kế hoạch ứng vốn năm tiếp theo cho các dự án/nhiệm vụ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Kế hoạch ứng vốn là danh mục các dự án ứng vốn; làm căn cứ để Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn cụ thể cho từng dự án/nhiệm vụ.

c) Trường hợp trong năm kế hoạch phát sinh thêm dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì cơ quan điều hành nghiệp vụ thẩm định, trình Hội đồng quản lý phê duyệt theo quy định

2. Điều kiện ứng vốn.

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn được Hội đồng quản lý phê duyệt.

c) Dự án/nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng: Mục đích sử dụng vốn ứng; thời gian và nguồn hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định và trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản đồng ý mức vốn ứng đối với từng dự án/nhiệm vụ.

b) Căn cứ Kế hoạch ứng vốn và văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm a khoản 1 Điều này; Giám đốc Quỹ quyết định ứng vốn theo đề nghị của tổ chức ứng vốn và tiến độ thực hiện dự án.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

a) Đơn vị, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ; hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn, (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng đúng thời gian cam kết): 01 bản chính

Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định này: 01 bản sao

Các hồ sơ có liên quan đến dự án/nhiệm vụ ứng vốn do Hội đồng quản lý Quỹ quy định trong quy trình nghiệp vụ ứng vốn.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ phát triển đất kiểm tra đủ điều kiện ứng vốn, lập Tờ trình, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

3. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ phát triển đất kiểm soát hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ phát triển đất. Ngân

hàng thương mại nơi mở tài khoản thành toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ phát triển đất cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

4. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

5. Trách nhiệm của tổ chức được ứng vốn

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 16 Quyết định này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ theo quy định tại Điều 17 Quyết định này.

7. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo quy định.

Điều 16. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

3. Chi phí quản lý vốn ứng được xác định như sau

Chi phí	Số dư nợ	Mức chi phí	Số ngày	
quản lý	=	quản lý vốn	x	sử dụng
vốn ứng	vốn ứng	ứng/365 ngày		vốn ứng

Trong đó:

Số dư nợ vốn ứng là số tiền thực tế đã giải ngân cho đơn vị ứng vốn.

Mức chi phí quản lý vốn ứng áp dụng bằng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

Số ngày sử dụng vốn ứng là số ngày do Quỹ và tổ chức ứng vốn xác định tại biên bản tính chi phí quản lý vốn ứng.

4. Thời gian hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng: Chi phí quản lý vốn ứng từ dự án được hoàn trả cùng thời điểm hoàn trả vốn.

Điều 17. Hoàn trả vốn, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ phát triển đất

1. Hoàn trả vốn, chi phí quản lý vốn ứng từ nguồn vốn của dự án

a) Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định này lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính, chi phí quản lý vốn ứng: 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định 104/2024/NĐ-CP: (Vốn ứng: 02 bản chính và chi phí quản lý vốn ứng: 02 bản chính). Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ; Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án: 01 bản sao;

Biên bản xác định vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ và tổ chức ứng vốn: 01 bản chính;

Quyết định hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ của cấp có thẩm quyền: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

a) Căn cứ số tiền ứng vốn, chi phí quản lý vốn ứng chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn, chi phí quản lý vốn ứng của kỳ trước nếu có), thời gian ứng và phương án hoàn trả vốn cho Quỹ; tổ chức được ứng vốn báo cáo cấp có thẩm quyền, để xây dựng trong dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng: 02 bản chính; chi phí quản lý vốn ứng: 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo mẫu quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP: (vốn ứng: 02 bản chính; chi phí quản lý vốn ứng: 02 bản chính). Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Biên bản xác định vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ và tổ chức ứng vốn: 01 bản chính;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ; Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền đã ứng vốn chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng theo nội dung đã đề nghị ứng vốn.

4. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Quyết định này, không được sử dụng vào mục đích khác.

5. Trách nhiệm của các tổ chức liên quan đến quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

a) Tổ chức nhận vốn ứng: Quản lý, sử dụng vốn ứng đúng mục đích, có trách nhiệm hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng theo đúng cam kết, không sử dụng vốn ứng vào mục đích khác.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp không phải là đơn vị ứng vốn trực tiếp từ Quỹ) phối hợp, chỉ đạo đơn vị, tổ chức ứng vốn trên địa bàn hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định.

c) Kho bạc Nhà nước: Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc sử dụng vốn ứng và hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ theo quy định.

Đối với các dự án ứng vốn để thực hiện tái định cư hoặc đấu giá quyền sử dụng đất, Kho bạc Nhà nước chỉ được thanh toán cho các công trình, hạng mục khác sau khi tổ chức ứng vốn hoàn trả cho Quỹ đủ số tiền ứng vốn, chi phí quản lý vốn ứng.

d) Quỹ phát triển đất: Thông báo số vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng phải trả đến các tổ chức ứng vốn và Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức nhận vốn ứng mở tài khoản) để giám sát, thực hiện.

Điều 18. Gia hạn, xử lý rủi ro vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng

1. Gia hạn vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng

a) Điều kiện gia hạn vốn ứng: Vì lý do khách quan làm chậm tiến độ dự án, dẫn đến hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng không đúng thời gian cam kết. Tổ chức ứng vốn có văn bản đề nghị gia hạn, trong đó báo cáo chi tiết nguyên nhân chậm trả, gửi về Quỹ trước thời gian đến hạn hoàn trả ghi trong quyết định ứng vốn.

b) Thẩm quyền và thời gian gia hạn: Giám đốc Quỹ căn cứ văn bản đề nghị của tổ chức ứng vốn, kiểm tra nội dung liên quan đến nguyên nhân chậm trả và ra quyết định gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng. Thời gian gia hạn không quá thời gian thực hiện dự án.

c) Các dự án/nhiệm vụ đã có nguồn hoàn trả, nhưng tổ chức ứng vốn chậm trả. Quỹ tạm dừng ứng vốn và giải ngân vốn ứng cho các dự án khác trên địa bàn.

2. Xử lý rủi ro vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng (nếu có)

Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch họa hoặc lý do khách quan khác, làm ảnh hưởng đến việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng. Giám đốc quỹ phối hợp với các sở ban ngành báo cáo Hội đồng quản lý quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 19. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất

Quỹ phát triển đất được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính Nhà nước khác của địa phương theo quy định. Việc nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định 104/2024/ND-CP.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 20. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính Quỹ thực hiện theo đơn vị sự nghiệp công lập và quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, bao gồm cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động, chi phí hoạt động và việc quản lý, sử dụng tài sản.

3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 21. Các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 16 Quyết định này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý quỹ khác quy định tại Điều 19 Quyết định này.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chi hỗ trợ phụ cấp cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát Quỹ: Mức chi cụ thể được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

d) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều. 23 Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ

1. Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và Trưởng Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về hoạt động kiểm tra, giám sát; phối hợp với các cơ quan có chức năng kiểm tra giám sát về hoạt động của Quỹ; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý về chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng quy định theo Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Quỹ; điều hành Quỹ thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định trước Hội đồng quản lý và pháp luật.

Điều 24. Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

1. Quỹ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Quỹ phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao.

3. Quỹ phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước và Điều lệ hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

Điều 25. Quỹ với Tổ chức được ứng vốn

1. Quỹ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức ứng vốn trong việc lập kế hoạch ứng vốn; trình cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn; xác định chi phí quản lý sử dụng vốn ứng; kiểm tra, sử dụng vốn ứng.

2. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Quỹ; lập dự toán và xây dựng phương án hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn ứng đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

1. Các khoản ứng vốn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhưng chưa giải ngân và hoàn trả vốn, chi phí quản lý vốn ứng phát sinh trước ngày 01 tháng 8 năm 2024, thì tiếp tục thực hiện theo chủ trương, quyết định, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các khoản đã ứng vốn, chi phí quản lý vốn ứng (nếu có) theo dự án/nhiệm vụ chưa bố trí nguồn hoàn trả, các tổ chức ứng vốn lập dự toán báo cáo cấp có thẩm quyền để hoàn trả vốn theo quy định.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị

1. Quỹ phát triển đất.

Tổ chức triển khai Quyết định này, trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Quỹ phát triển đất tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vốn điều lệ (nếu có) và hoàn trả các dự án/nhiệm vụ ứng vốn theo khoản 2 Điều 17 Quyết định này.

3. Sở Tài chính.

Hướng dẫn Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, chấp hành các chế độ chính sách về tài chính, ngân sách, kế toán có liên quan đến hoạt động của Quỹ; Phối hợp với Hội đồng quản lý sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán ngân sách bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ (nếu có) và hoàn trả các dự án/nhiệm vụ ứng vốn theo khoản 2 Điều 17 Quyết định này; Thẩm định quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ phát triển đất.

4. Các sở chuyên ngành.

Hướng dẫn các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện dự án, mà dự án đó có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ, thì lập dự toán vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng vào mục chi khác của tổng mức đầu tư của dự án thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

5. Kho bạc Nhà nước.

Hướng dẫn các tổ chức ứng vốn, mở tài khoản nhận vốn, hoàn trả vốn ứng và các thủ tục hành chính theo quy định của ngành có liên quan đến Quỹ. Kiểm soát việc hoàn trả vốn ứng theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị, tổ chức ứng vốn trên địa bàn sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng theo đúng thời gian quy định.

7. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ phát triển đất thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 8 tháng 9 năm 2020 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định về tổ chức lại và quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Hưng Yên.

2. Các nội dung chưa được quy định trong Quyết định này, được áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Quỹ. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên & Môi trường, Kế hoạch & Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, Quỹ phát triển đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và môi trường (vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, CV: TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH